

Bản án số: 81/2020/HS-PT

Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoài Nam

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Anh Tuấn

Ông Vũ Hà Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Thị A, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh và kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh.

**- Bị cáo kháng cáo:** Phạm Thị A, sinh năm 1998 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1973; Con bà Vũ Thị H, sinh năm 1980; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ nhất; Chồng Trịnh Xuân K, sinh năm 1993; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

**- Bị hại:**

Ông Trịnh Xuân T1, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Chị Lương Thị N, anh Trịnh Văn Kh, bà Vũ Thị H2.

Tại phiên toà có mặt bị cáo Phạm Thị A và bị hại ông Trịnh Xuân T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị A là con dâu và sống cùng nhà với bố mẹ chồng là ông Trịnh Xuân T1, bà Nguyễn Thị H1. Ông T1, bà H1 và anh Trịnh Xuân K (chồng Phạm Thị A) thường xuyên đi làm ăn tại tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng ông T1 bà H1 tiết kiệm được số tiền 190 triệu đồng. Khoảng tháng 9/2019 ông bà cầm số tiền trên về nhà, chia làm hai phần một phần để trong túi áo khoác màu vàng của ông T1, một phần để trong áo thun màu đen của bà H1 rồi cất vào trong tủ kệ tivi ở phòng khách. Chìa khóa tủ ông bà trực tiếp giữ và mang theo khi đi làm. Đầu tháng 11/2019 do thiếu tiền trả công thợ, mẹ đẻ của Phạm Thị A là bà Vũ Thị H2 hỏi A: “Con xem có bạn bè hay người thân nào mượn cho mẹ mấy chục triệu để mẹ trang trải tiền lương cho thợ thuyền”. Phạm Thị A không có tiền nhưng biết bố mẹ chồng để tiền ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bố mẹ chồng để đưa cho bà H2 mượn. Khoảng giữa tháng 11/2019, vợ chồng ông T1 về quê ăn giỗ, để chùm chìa khóa tủ trên mặt tủ kệ tivi, A đã lấy chìa khóa tủ đem lên thị trấn Cổ Lễ đánh thêm chìa khóa mới, mục đích để mở tủ kệ tivi trộm cắp tiền của bố mẹ. Ngày 15/11/2019 vợ chồng ông T1 và anh K đi làm, ở nhà A lấy chìa khóa mới đánh mở tủ kệ tivi nơi để quần áo của bố mẹ chồng, phát hiện trong chiếc áo thun màu đen bên trong có 3 cọc tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng. A rút ở mỗi cọc 5.000.000 đồng. A thấy ở túi áo khoác màu trắng sữa có nhiều cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng, A rút lấy 25.000.000 đồng. Tổng cộng A đã lấy số tiền là 40.000.000 đồng. Sau đó A gấp quần áo ngay ngắn lại như cũ rồi khóa cửa tủ lại. A đem số tiền 40.000.000 đồng lấy được đưa cho bà H2 mượn. Ngày 11/01/2020, A lại dùng chìa khóa mở tủ kệ tivi, lấy ở trong túi chiếc áo khoác màu trắng sữa 20.000.000 đồng. Số tiền này A dùng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 15/01/2020, A tiếp tục mở tủ kệ tivi lấy ở trong túi chiếc áo khoác màu trắng sữa số tiền 29.800.000 đồng. A dùng số tiền này mua dụng cụ cho cửa hàng làm Nails của mình. Ngày 18/01/2020 vợ chồng ông T1 kiểm tra phát hiện mất số tiền 89.800.000 đồng để trong tủ kệ tivi, nên đã làm đơn trình báo Công an. Sau khi ông T1 bà H1 có đơn trình báo Công an, Phạm Thị A đã tự thú nhận đã lấy số tiền trên với bố mẹ. Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền 89.800.000đ của ông T1 và bà H1. Phạm Thị A và mẹ đẻ là bà Vũ Thị H2 đã trả lại toàn bộ số tiền mà A đã lấy cho ông T1 và bà H1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 BLHS: Xử phạt Phạm Thị A 18 (mười tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh ra kháng nghị số 04/QĐ-VKS-KSĐT với nội dung: Kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị A.

Ngày 06/8/2020, bị cáo Phạm Thị A có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ và hiện đang mang thai. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc con cái và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định trình bày: Do bị cáo thừa nhận 03 lần trộm cắp tài sản nên VKSND tỉnh Nam Định rút nội dung kháng nghị đề nghị không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và về hình phạt đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh.

Bị cáo Phạm Thị A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo 03 lần trộm cắp tài sản, hiện đang mang thai và nuôi 02 con nhỏ, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi dưỡng các con.

Ông Trịnh Xuân T1 trình bày: Bị cáo Phạm Thị A đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho vợ chồng ông, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, ông cam đoan trong thời gian thử thách nếu bị cáo A phạm tội, ông hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đề nghị chấp nhận nội dung kháng nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị A, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục: Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định ban hành theo đúng qui định tại Điều 336, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự và đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Từ ngày 15/11/2019 đến ngày 15/01/2020, tại nhà của ông Trịnh Xuân T1, bà Nguyễn Thị H1 ở thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định, Phạm Thị A đã 3 lần lén lút mở tủ kệ tivi lấy trộm số tiền 89.800.000 đồng của vợ chồng ông T1, bà H1. Cụ thể: Ngày 15/11/2019 A lấy 40.000.000 đồng; Ngày 11/01/2020 A lấy 20.000.000 đồng; Ngày 15/01/2020 A lấy 29.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Thị A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS. Nên cấp sơ thẩm đã xét xử Phạm Thị A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS là có cơ sở.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Thị A thừa nhận trộm cắp của vợ chồng ông T1, bà H2 số tiền 89.800.000 đồng một lần. Tuy nhiên, những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bị cáo đã 3 lần lén lút mở tủ kệ tivi lấy trộm số tiền 89.800.000đ của vợ chồng ông T1, bà H1 nên VKSND huyện Trục Ninh kháng nghị không cho bị cáo hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận hành vi 03 lần trộm cắp tài sản của ông T1, bà H1 với tổng số tiền 89.800.000 đồng, VKSND tỉnh Nam Định đã rút nội dung kháng nghị của VKSND huyện Trục Ninh là bị cáo chưa thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Nam Định đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo và xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS và xử phạt bị cáo 18 tháng tù là phù hợp; Tuy nhiên, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi hai con còn nhỏ, hiện tại bị cáo đang mang thai và có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa bị hại Trịnh Xuân T1 tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đồng thời có đơn xin bảo lãnh cho bị cáo; Đối chiếu với hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì việc miễn chấp hành hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo, là không trái quy định. Vì vậy, không chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Nam Định đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, tạo điều kiện cho bị cáo vừa cải tạo vừa chăm lo cho gia đình, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS,

Chấp nhận nội dung rút kháng nghị đề nghị không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, không chấp nhận nội dung kháng nghị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị A, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54; Điều 65 BLHS

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt Phạm Thị A 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (29/9/2020);

Giao bị cáo Phạm Thị A cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

3. Án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-CA huyện Trực Ninh;
- Chi cục Thi hành án huyện Trực Ninh;
- UBND xã Phương Định, huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoài Nam**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Hà Nam**

**Mai Anh Tuấn**

**Lê Hoài Nam**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HSST.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Thị Diệu.

2. Bà Nguyễn Thị Tho

***Thư ký phiên toà:*** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/TLST - HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:



Phạm Thị A, sinh năm 1998 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn Nhự Nương, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Phạm Văn Tú, sinh năm 1973; Con bà Vũ Thị Huế, sinh năm 1980; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ nhất; Chồng Trịnh Xuân Kiên, sinh năm 1993; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

Người bị hại:

- Ông Trịnh Xuân Tĩnh, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn Nhự Nương, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn Nhự Nương, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (có mặt).

Người làm chứng:

- Chị Lương Thị Năm (tên gọi khác Lương Thị Nhung), sinh năm 1992; Trú tại: Xóm 1, thôn Thanh Tân, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

- Anh Trịnh Văn Khiên, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn Nhự Nương, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Bà Vũ Thị Huế, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn Nhự Nương, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị A là con dâu và sống cùng nhà với bố mẹ chồng là ông Trịnh Xuân Tĩnh, bà Nguyễn Thị Huyền. Ông Tĩnh, bà Huyền và anh Trịnh Xuân Kiên (chồng Phạm Thị A) thường xuyên đi làm ăn tại tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng ông Tĩnh bà Huyền tiết kiệm được số tiền 190 triệu đồng. Khoảng tháng 9/2019 ông bà cầm số tiền trên về nhà, chia làm hai phần một phần để trong túi áo khoác màu vàng của ông Tĩnh, một phần để trong áo thun màu đen của bà Huyền rồi cất vào trong tủ kệ tivi ở phòng khách. Chìa khóa tủ ông bà trực tiếp giữ và mang theo khi đi làm. Đầu tháng 11/2019 do thiếu tiền trả công thợ, mẹ đẻ của Phạm Thị A là bà Vũ Thị Huế hỏi Anh: “Con xem có bạn bè hay người thân nào mượn cho mẹ mấy chục triệu để mẹ trang trải tiền lương cho thợ thuyền”. Phạm Thị A không có tiền nhưng biết bố mẹ chồng để tiền ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bố mẹ chồng để đưa cho bà Huế mượn. Khoảng giữa tháng 11/2019, vợ chồng ông Tĩnh về quê ăn giỗ, để chum chìa khóa tủ trên mặt tủ kệ tivi, Anh đã lấy chìa khóa tủ đem lên thị trấn Cổ Lễ đánh thêm chìa khóa mới, mục đích để mở tủ kệ tivi trộm cắp tiền của bố mẹ. Ngày 15/11/2019 vợ chồng ông Tĩnh và anh Kiên đi làm, ở nhà Anh lấy chìa khóa

mới đánh mở tủ kệ tivi nơi để quần áo của bố mẹ chồng, phát hiện trong chiếc áo thun màu đen bên trong có 3 cọc tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng. Anh rút ở mỗi cọc 5.000.000 đồng. Anh thấy ở túi áo khoác màu trắng sữa có nhiều cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng, Anh rút lấy 25.000.000 đồng. Tổng cộng Anh đã lấy số tiền là 40.000.000 đồng. Sau đó Anh gấp quần áo ngay ngắn lại như cũ rồi khóa cửa tủ lại. Anh đem số tiền 40.000.000 đồng lấy được đưa cho bà Huế mượn. Ngày 11/01/2020, Anh lại dùng chìa khóa mở tủ kệ tivi, lấy ở trong túi chiếc áo khoác màu trắng sữa 20.000.000 đồng. Số tiền này Anh dùng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 15/01/2020, Anh tiếp tục mở tủ kệ tivi lấy ở trong túi chiếc áo khoác màu trắng sữa số tiền 29.800.000 đồng. Anh dùng số tiền này mua dụng cụ cho cửa hàng làm Nails của mình. Ngày 18/01/2020 vợ chồng ông Tỉnh kiểm tra phát hiện mất số tiền 89.800.000 đồng để trong tủ kệ tivi, nên đã làm đơn trình báo Công an. Sau khi ông Tỉnh bà Huyền có đơn trình báo Công an, Phạm Thị A đã tự thú nhận đã lấy số tiền trên với bố mẹ. Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền 89.800.000đ của ông Tỉnh và bà Huyền. Phạm Thị A và mẹ đẻ là bà Vũ Thị Huế đã trả lại toàn bộ số tiền mà Anh đã lấy cho ông Tỉnh và bà Huyền.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-KSĐT ngày 11/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Thị A về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận đã trộm cắp số tiền 89.800.000đ của ông Tỉnh và bà Huyền để trong tủ kệ tivi nhưng không nhận đã lần nhiều lần như trong nội dung bản cáo trạng của VKS. Việc bị cáo khai nhận nhiều lần trộm cắp tiền của ông Tỉnh và bà Huyền là do Điều tra viên bảo bị cáo khai. Tại phiên tòa bị cáo rất ân hận về việc làm của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại, ông Tỉnh và bà Huyền đều có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Vì bị cáo là con dâu của ông bà, đến nay bị cáo đã nhận ra sai phạm của mình và trả lại toàn bộ số tiền đã trộm cắp, hiện tại bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đang phải nuôi hai con nhỏ lại đang có thai con thứ ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Thị A phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS: Đề nghị xử phạt Phạm Thị A mức án tù 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trục Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: đơn trình báo của ông Tĩnh, lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ mất trộm tài sản, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận đã nhiều lần mở tủ lấy tiền của ông Tĩnh và bà Huyền nhưng không có cơ sở chấp nhận. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 15/11/2019 đến ngày 15/01/2020, Phạm Thị A đã 3 lần lén lút mở tủ kệ tivi lấy trộm số tiền 89.800.000đ của vợ chồng ông Tĩnh, bà Huyền. Cụ thể: Ngày 15/11/2019 Anh lấy 40.000.000 đồng; Ngày 11/01/2020 Anh lấy 20.000.000 đồng; Ngày 15/01/2020 Anh lấy 29.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Thị A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Phạm tội 2 lần trở lên.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có hai con còn nhỏ, hiện tại bị cáo đang mang thai đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n, s, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; HĐXX xét thấy: Bị cáo Phạm Thị A là con dâu ông Tĩnh và bà Huyền; Lợi dụng việc ông Tĩnh, bà Huyền thường đi làm ăn xa, Anh đã đánh giả chìa khóa, ba lần mở tủ trộm cắp số tiền 89.800.000đ của ông Tĩnh, bà Huyền. Hành vi phạm tội của Anh là nguy hiểm cho xã hội cần phải được xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo; song cũng nên xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, như hành vi phạm tội của bị cáo không gây ảnh hưởng lớn đến an ninh, trật tự, xã hội; Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang

nuôi hai con còn nhỏ, hiện tại bị cáo đang mang thai đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, n khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy về hình phạt cần áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Phạm Thị A đã bồi thường cho vợ chồng ông Tỉnh toàn bộ số tiền 89.800.000 đồng. Vợ chồng ông Tỉnh đã nhận đủ số tiền và không yêu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Bà Vũ Thị Huế không biết số tiền 40.000.000 đồng Anh cho mượn là tiền trộm cắp mà có nên không phạm tội.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Phạm Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 BLHS: Xử phạt Phạm Thị A **18 (mười tám) tháng tù**; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình.

**2.** Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị A phải nộp 200.000 đồng.

**3.** Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28-7-2020).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Diệu**

**Nguyễn Thị Tho**

**Bùi Văn Dũng**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Dũng**